

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 656/2024/DS-PT

Ngày: 26-12-2024

V/v “Tranh chấp
hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các thẩm phán: Ông Trần Tuấn Vũ.

Ông Trần Quốc Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 624/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2024/QĐ-PT ngày 27/11/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974; địa chỉ: số B, tổ A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 04/9/2024 có mặt)

- Bị đơn: Bà Giáp Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ C, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Giáp Thị P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do quen biết với nhau thông qua việc mua bán lúa chung nên bà T có bán lúa, nếp cho bà P nhiều lần tính đến ngày 30/4/2023 hai bên chốt nợ lại bà P còn nợ bà tổng số tiền 835.360.000 đồng. Ngoài ra hai bên còn ký kết hợp đồng mua bán nếp nhưng khi đến ngày giao nếp theo hợp đồng thì bà P không giao và hứa trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng, bà đồng ý. Do đó, ngày 30/4/2023 bà P đã viết giấy nợ đưa cho bà giữ. Kể từ khi viết giấy nợ, bà có yêu cầu bà P trả nhiều lần nhưng bà P không trả. Do đó, Bà T yêu cầu bà Giáp Thị P trả số tiền 985.360.000, trong đó nợ mua bán lúa, nếp còn nợ là 835.360.000 đồng; tiền vi phạm hợp đồng mua bán nếp là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Giáp Thị P trình bày:

Bà P thừa nhận có mua bán lúa chung với bà T và tính đến ngày 30/4/2023 bà P còn nợ bà T số tiền 835.360.000 đồng. Bà P xác định giấy nợ ngày 30/4/2023 mà bà Thủy cung C là do bà P viết và ký tên. Tuy nhiên số tiền 150.000.000 đồng là tiền lãi, không phải là tiền vi phạm hợp đồng mua bán nếp như bà T trình bày. Từ tháng 8/2023 hai bên không còn mua bán với nhau nữa nên bà T có yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P không có khả năng trả. Do đó, bà T yêu cầu bà P trả thêm tiền lãi, tổng cộng nợ gốc và lãi là 1.200.000.000 đồng.

Đến ngày 24/01/2024 bà T khởi kiện bà P nên trong tháng 2 và tháng 3/2024 bà P đã chuyển khoản trả cho bà T vào số tài khoản của bà T nhiều lần với số tiền 1.193.990.000 đồng. Lý do không chuyển khoản trả đúng số tiền theo thỏa thuận 1.200.000.000 đồng là do bà P chuyển khoản trả nhiều lần, mỗi lần chuyển khoản bà P không theo dõi và khi cộng lại thì số tiền đã chuyển quá nhiều, hơn nữa tiền lãi thỏa thuận quá cao nên bà P chỉ đồng ý trả số tiền 1.193.990.000 đồng, bà P không đồng ý trả thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:28/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 147, 217 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” đối với bà Giáp Thị P.

Buộc bà Giáp Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 985.360.000 (chín trăm tám mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với yêu cầu tính lãi chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/9/2024, bà Giáp Thị P kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Giáp Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Giáp Thị P thực hiện trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Giáp Thị P:

T khởi kiện yêu cầu bà Giáp Thị P trả số tiền 985.360.000 theo giấy nhận nợ ngày 30/4/2023, trong đó nợ mua bán lúa, nếp còn nợ là 835.360.000 đồng; tiền vi phạm hợp đồng mua bán nếp là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà P cho rằng từ tháng 8/2023 hai bên không còn mua bán với nhau nữa nên bà T có yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P không có khả năng trả nên bà T yêu cầu bà P trả thêm tiền lãi, tổng cộng nợ gốc và lãi là 1.200.000.000 đồng. Đến tháng 01/2024 bà T khởi kiện bà P yêu cầu trả nợ, nên từ tháng 02 đến 03/2024 bà P có chuyển khoản nhiều lần với số tiền 1.193.990.000 đồng trả cho bà T, bà P cung cấp chứng từ sao kê ngân hàng và bà T cũng thừa nhận có nhận số tiền trên nhưng bà T cho rằng đây là tiền bà mua bán lúa với bà P trong thời gian này, bà T không cung cấp được chứng cứ thực hiện việc mua bán lúa trong giai đoạn này nên số tiền bà P chuyển vào tài khoản của bà T để trả nợ theo giấy nhận nợ là có căn cứ. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà T là chưa phù hợp.

Riêng đối với số tiền 431.250.000 đồng bà P trình bày bà chuyển khoản dùm cho bà L vào tài khoản của bà T nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà P cho rằng nếu bà L không thừa nhận việc chuyển khoản dùm thì số tiền đó bà P chuyển trả dư nên bà T phải trả lại. Xét thấy, yêu cầu của bà P không thể giải quyết trong vụ án này, nếu sau này bà P có yêu cầu thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà P là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Giáp Thị P không phải chịu án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà P được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Giáp Thị P, sửa bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với bà Giáp Thị P về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” số tiền 985.360.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 41.560.800 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.780.000 đồng theo biên lai thu số 0012230 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà T còn phải nộp thêm số tiền là 20.780.800 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Giáp thị P không phải chịu án phí, nên hoàn trả lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012323 ngày 16/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Bến Cầu;
- CCTHADS huyện Bến Cầu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thuỳ Trang